

Nếu bạn sử dụng dịch vụ chăm sóc trẻ em tại các trường mẫu giáo *Youchien*, nhà trẻ kết hợp mẫu giáo *Nintei Kodomoen*, trường mẫu giáo tư thục *Shigaku Youchien* hoặc các cơ sở trông giữ trẻ ngoài tiêu chuẩn *Ninka Gai*, v.v. và muốn được chấp thuận trợ cấp để sử dụng các cơ sở đó, bạn phải nộp đơn lên Tòa thị chính Ota để xin “Giấy chứng nhận quyền lợi sử dụng các cơ sở, v.v.” theo các điều khoản sau.

Phân loại chứng nhận	Độ tuổi (※)	Lý do cần thiết phải chăm sóc trẻ em	Giới hạn thu nhập	Dịch vụ
Loại 1 mới	Từ 3 tuổi trở lên	Không bắt buộc	Không	Dịch vụ chăm sóc trẻ được cung cấp tại các trường mẫu giáo tư thục, v.v.
Loại 2 mới	Trên 3 tuổi	Bắt buộc (đối với cả cha và mẹ)		Hộ gia đình miễn thuế cư trú
Loại 3 mới	0-2 tuổi			

※ Độ tuổi của trẻ tính đến ngày 01 tháng 4 của năm tài chính đó.

※ ‘Cơ sở chăm sóc trẻ ngoài tiêu chuẩn *Ninka Gai*’: chỉ những cơ sở đã nhận được xác nhận từ chính quyền địa phương về dịch vụ chăm sóc trẻ miễn phí mới đủ điều kiện.

“Ví dụ chính về số tiền trợ cấp tối đa”: số tiền trợ cấp tối đa thay đổi tùy theo dịch vụ được cung cấp.

Dịch vụ	Loại 1 mới	Loại 2 mới	Loại 3 mới
Trường mẫu giáo tư thục, v.v.	Lên đến 25.700 yên/tháng	Ngoài loại 1 mới, lên đến 11.300 yên (*)	Ngoài loại 1 mới, lên đến 16.300 yên (*)
Tại các cơ sở trẻ em, v.v.	—	Lên đến 11.300 yên/tháng	
Cơ sở chăm sóc trẻ ngoài tiêu chuẩn, v.v.	—	Lên đến 37.000 yên/tháng	Lên đến 42.000 yên/tháng

Quyền lợi này chỉ bao gồm “Chi phí cần thiết cho dịch vụ trông trẻ” và không bao gồm các chi phí thực tế khác (như chi phí đi lại, sách tranh, hoặc bữa trưa ở trường, v.v.).

Quyền lợi cho dịch vụ chăm sóc ban ngày giới hạn ở mức 450 yên mỗi ngày.

(*) Các trường mẫu giáo tư thục loại 2 và loại 3 mới chỉ trả chi phí chăm sóc sau giờ học.

‘Yêu cầu về nhu cầu chăm sóc trẻ em’ (đối với chứng nhận loại 2 và 3 mới)

Để nhận được chứng nhận cho loại 2, loại 3 mới, tất cả cha mẹ (hoặc người giám hộ) đang chăm sóc trẻ phải cung cấp lý do về sự cần thiết sử dụng dịch vụ trông trẻ. Vui lòng nộp các giấy tờ cần thiết cùng với đơn xin chứng nhận của bạn. Ngoài ra, thời hạn chứng nhận thay đổi tùy theo lý do và quyền lợi sẽ bị chấm dứt khi hết thời hạn. Để gia hạn thời hạn chứng nhận, cần phải thay đổi lý do.

Số	Lý do	Nội dung
1	Việc làm	Làm việc ít nhất 64 giờ/tháng, không phải là công việc nội trợ, xa con (không bao gồm thời gian đi lại)
2	Tìm việc làm/ chuẩn bị kinh doanh	Liên tục tìm việc làm, chuẩn bị khởi nghiệp kinh doanh ※ <u>Chứng nhận chỉ có thời hạn 3 tháng</u>
3	Đi học	Đi học ít nhất 64 giờ/tháng với kỳ vọng có việc làm sau khi tốt nghiệp. ※ <u>Chứng nhận được cấp cho đến khi tốt nghiệp.</u>
4	Mang thai/ Sinh con	Tính đến tháng đăng ký mong muốn, người nộp đơn sắp sinh con hoặc vừa sinh con. ※ <u>Giấy chứng nhận có thời hạn trong vòng 8 tuần trước sinh và 8 tuần sau sinh.</u>
5	Bệnh tật/ Khuyết tật	Bị bệnh hoặc khuyết tật về thể chất hoặc tinh thần. ※ <u>Giấy chứng nhận sẽ được cấp cho đến ngày ghi trên giấy chuẩn đoán y tế.</u>
6	Điều dưỡng	Cung cấp dịch vụ chăm sóc và điều dưỡng cho người bệnh hoặc người khuyết tật về thể chất/tinh thần ít nhất 64 giờ/tháng.
7	Khác	Các điều kiện đặc biệt tương tự như trên.

※Vui lòng xem mặt sau để biết các tài liệu cần thiết và liên hệ với chúng tôi để biết thêm chi tiết về các yêu cầu.

Hộ gia đình miễn thuế cư trú (chứng nhận loại 3 mới)

Chứng nhận loại 3 mới chỉ áp dụng nếu cha mẹ/người giám hộ của trẻ đáp ứng tiêu chí “Yêu cầu về nhu cầu chăm sóc trẻ” và tất cả các thành viên hộ gia đình được miễn thuế cư trú. Từ tháng 4 đến tháng 8, thuế cư trú của năm trước (tính dựa trên thu nhập của năm trước đó) và từ tháng 9 đến tháng 3, thuế cư trú của năm hiện tại (tính dựa trên thu nhập của năm ngoài) được kiểm tra để xem cư dân có được miễn thuế hay không. (Đối với những người sống bên ngoài Nhật Bản và không phải chịu thuế cư trú, việc sàng lọc sẽ dựa trên thu nhập hàng năm đã khai báo của họ, bao gồm thu nhập từ nước ngoài).

Nếu thu nhập của cha mẹ thấp hơn một mức nhất định và có ông bà sống cùng con, hoặc nếu con/cha mẹ phụ thuộc vào ông bà (bao gồm thuế cư trú, bảo hiểm y tế, v.v.), ông bà sẽ được coi là thành viên của hộ gia đình hỗ trợ trẻ. Nếu ông bà là người nộp thuế cư trú, bạn sẽ không đủ điều kiện để được cấp chứng nhận loại 3 mới.

Cách tính tiền phí theo ngày

Việc chứng nhận quyền lợi sử dụng cơ sở sẽ bắt đầu từ ngày nộp đơn hoặc ngày bắt đầu sử dụng, tùy theo ngày nào muộn hơn. Nếu bạn nộp đơn hoặc bắt đầu sử dụng quyền lợi vào giữa tháng, số tiền trợ cấp tối đa cho tháng đó sẽ được tính dựa theo tỷ lệ theo số ngày còn lại. Không thể tính ngược ngày, vì vậy vui lòng nộp đơn càng sớm càng tốt. (Đối với những người chuyển đến từ bên ngoài thành phố và đã liên tục được chứng nhận, điều này sẽ được điều chỉnh với chính quyền thành phố trước khi chuyển đến).

Tài liệu cần thiết

[Giấy chứng nhận về Yêu cầu/ly do cần thiết chăm sóc trẻ em (chỉ áp dụng với Loại 2 hoặc 3 mới)]

Lý do		Tài liệu cần nộp
Việc làm		Giấy chứng nhận việc làm
Tìm việc làm/ chuẩn bị kinh doanh		Đơn xin việc về việc tìm kiếm việc làm (C)
Đi học		Giấy chứng nhận đi học (H), bản sao Thẻ sinh viên/Giấy chứng nhận tham dự, và giấy tờ thể hiện thời gian biểu hàng tuần, v.v.
Mang thai/ Sinh con	Người dự định sinh con	Bản sao Phiếu khám sức khỏe tổng quát cho các lần khám sức khỏe thai kỳ (có ghi tên mẹ và ngày dự sinh)
	Người đã sinh	Bản sao trang chứng nhận đã khai sinh trong sổ tay mẹ và bé
Bệnh tật/ Khuyết tật	Bệnh tật/ Thương tích	Giấy chứng nhận y tế do thành phố Ota chỉ định do bác sĩ viết (D) (ghi rõ khoảng thời gian không thể chăm sóc trẻ)
	Khuyết tật về thể chất và tinh thần	Bản sao Chứng nhận khuyết tật thể chất <i>Shintai Shougaisha Techou</i> , Sổ chăm sóc y tế <i>Ryouiku Techou</i> , hoặc Giấy chứng nhận khuyết tật tâm thần <i>Seishin Shougaisha Hoken Fukushima Techou</i> (để xác nhận tên và mức độ khuyết tật).
Hộ lý điều dưỡng	Hộ lý	Mẫu đơn (F) và bản sao của một trong các giấy tờ sau: chứng nhận khuyết tật thể chất, Sổ chăm sóc y tế, Giấy chứng nhận khuyết tật tâm thần hoặc Thẻ bảo hiểm chăm sóc dài hạn (được chứng nhận để cần chăm sóc) của người nhận chăm sóc.
	Điều dưỡng	Mẫu đơn (F) và Giấy chứng nhận y tế do thành phố Ota chỉ định do bác sĩ viết (G), v.v.
Khác		Vui lòng liên hệ với Phòng Trẻ em <i>Kodomo-Ka</i> -Tòa thị chính Ota.

Vui lòng tham khảo phần của trang về các tài liệu chứng minh ‘Yêu cầu về sự cần thiết của việc chăm sóc trẻ’.



Tất cả các giấy tờ nộp phải dành cho tất cả các thành viên hộ gia đình/người giám hộ. Các giấy tờ do bên thứ ba chứng nhận KHÔNG ĐƯỢC điền bởi chính người nộp đơn. Ngoài ra, các giấy tờ phải được chứng nhận trong vòng 3 tháng.

[Các giấy tờ cần thiết khác]

- ◆ (Bắt buộc đối với tất cả người nộp đơn) : mẫu đơn đăng ký và trang thông tin My Number.
- ◆ Đối với hộ gia đình nhận trợ cấp sinh hoạt *Seikatsu Hogo*: ‘Bản sao giấy chứng nhận người nhận phúc lợi’, những người không phải chịu thuế cư trú vì không có địa chỉ ở Nhật Bản: ‘Đơn xin dành cho người không có địa chỉ ở Nhật Bản’ và ‘Giấy chứng nhận thu nhập và báo cáo thu nhập’.
- ◆ Đối với những người có người nước ngoài trong gia đình: phải nộp bản sao 2 mặt của thẻ cư trú cho tất cả các thành viên trong gia đình. Nếu lý do cha mẹ nộp đơn xin cấp chứng nhận Loại 2 hoặc 3 mới là ‘Việc làm’ hoặc ‘Tìm việc (chuẩn bị kinh doanh)’ cha mẹ phải có tư cách lưu trú cho phép làm việc tại Nhật Bản. Xin lưu ý rằng nếu tư cách cư trú của bạn không phải là giấy phép lao động, giấy chứng nhận sẽ không được cấp.

Sau khi nộp đơn đăng ký (Giấy chứng nhận quyền lợi sử dụng cơ sở chăm sóc trẻ em) và các giấy tờ cần thiết, bạn sẽ nhận được thông báo tùy thuộc vào kết quả sàng lọc.

Vui lòng nhanh chóng gửi thông báo này cho cơ sở mà bạn sử dụng.

Mẫu số 12-2 (Điều 13-2)

Mẫu đơn đăng ký phê duyệt

Quyền lợi giáo dục/chăm sóc trẻ em (thay đổi) và chứng nhận sử dụng cơ sở

太田市役所 こども課 「教育・保育給付認定(変更)申請書兼施設等利用給付認定申請書」 ・ベトナム語版

(Kính gửi) Thị trưởng thành phố Ota

施設コード	
認定証No.	

		Ngày nộp đơn		Reiwa		(năm)		(tháng)		(ngày)										
Tên trẻ đăng ký	Phiên âm					Ngày tháng năm sinh (theo lịch Tây)				Tuổi (tính đến ngày 01/4 của năm tài chính được yêu cầu chứng nhận)	Giới tính									
	Họ và tên									Năm	Tháng	Ngày								
Cha mẹ/ người giám hộ (Người nộp đơn)	Phiên âm					Địa chỉ hiện tại	〒													
	Họ và tên																			
Mối quan hệ với trẻ		Điện thoại	① ()				② ()				③ ()									
			— —				— —				— —									

Vui lòng nhập thông tin liên lạc theo thứ tự có thể liên lạc trong ngày, chẳng hạn như (số điện thoại của bố), (số điện thoại của mẹ), (số điện thoại nhà ông nội), v.v.

1. Thành viên hộ gia đình

	Mối quan hệ với trẻ	Phiên âm	Ngày tháng năm sinh (lịch Tây)				Nghề nghiệp		Nếu KHÔNG đăng ký cư trú tại Ota vào ngày 01/ 01 các năm dưới đây, hãy viết tên thành phố/ quốc gia.				
		Họ và tên					Tên nơi làm việc, tên trường, v.v.						
Cha mẹ của trẻ đăng ký	Cha					Năm		Tháng		Ngày		Năm trước khi nhập học	Năm nhập học
	Mẹ					Năm		Tháng		Ngày			
Thành viên gia đình (ghi tất cả các thành viên sống cùng trẻ ngày cả khi hộ gia đình được đăng ký riêng)						Năm		Tháng		Ngày			
						Năm		Tháng		Ngày			
						Năm		Tháng		Ngày			
						Năm		Tháng		Ngày			
						Năm		Tháng		Ngày			
						Năm		Tháng		Ngày			
Trợ cấp sinh hoạt	☐ Không áp dụng ☐ Áp dụng (năm tháng ngày bắt đầu)										Hoàn cảnh hộ gia đình	☐ Hộ gia đình đơn thân ☐ Hộ gia đình có người khuyết tật ☐ Hộ khác	

2. Cơ sở/thời gian nhập học, v.v.

Tên các cơ sở chính sử dụng (*1)											
Ngày yêu cầu chứng nhận (ngày bắt đầu sử dụng)	Reiwa		Năm		tháng		từ ngày	☐ Cho đến khi vào Tiểu học			
								☐ Cho đến ngày cuối của năm tháng ngày			
Nhà trẻ: Bạn có muốn sử dụng nhà trẻ không?	Không	☐ Loại 1 (từ 3 tuổi trở lên)		Người nộp đơn chỉ yêu cầu sử dụng các trường mẫu giáo nhận trợ cấp trường tư thục và không sử dụng dịch vụ chăm sóc ban ngày. (*2)							
	Có (vui lòng chọn một trong các loại)	☐ Loại 2 (trên 3 tuổi)		Khi cả cha và mẹ đáp ứng 'yêu cầu về nhu cầu chăm sóc trẻ em' và muốn sử dụng dịch vụ chăm sóc ban ngày (*2), cơ sở chăm sóc trẻ em ngoài tiêu chuẩn, dịch vụ chăm sóc trẻ em tạm thời, dịch vụ trông trẻ dưỡng bệnh hoặc các hoạt động nuôi dạy trẻ (dịch vụ trung tâm hỗ trợ gia đình), v.v.							
		☐ Loại 3 (0-2 tuổi)		Khi cả cha và mẹ đáp ứng 'yêu cầu về nhu cầu chăm sóc trẻ em', muốn sử dụng dịch vụ chăm sóc ban ngày (*2), cơ sở chăm sóc trẻ em ngoài tiêu chuẩn, dịch vụ trông trẻ tạm thời, dịch vụ trông trẻ dưỡng bệnh hoặc các hoạt động hỗ trợ nuôi dạy trẻ (dịch vụ trung tâm hỗ trợ gia đình), v.v. và là Hộ gia đình được miễn thuế cư trú.							
Loại dịch vụ		☐ Dịch vụ trông trẻ kéo dài (*2) ☐ Cơ sở trông trẻ ngoài tiêu chuẩn ☐ Dịch vụ trông trẻ tạm thời ☐ Dịch vụ trông trẻ dưỡng bệnh ☐ Các hoạt động hỗ trợ nuôi dạy trẻ em (dịch vụ trung tâm hỗ trợ gia đình)									
Thời hạn phê duyệt quyền lợi (chỉ dành cho người nộp đơn)	Reiwa		Năm		Tháng		từ ngày	Cho đến khi vào Tiểu học			

*1. Nếu bạn đang sử dụng một cơ sở bên ngoài thành phố, vui lòng cung cấp địa chỉ và số điện thoại của cơ sở đó.

Vị trí cơ sở (chỉ ngoài thành phố): Số điện thoại: — —

*2. Dịch vụ chăm sóc ban ngày kéo dài được đề cập ở trên bao gồm các cơ sở đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

① Số giờ cung cấp vào các ngày trong tuần, bao gồm cả giờ giáo dục, ít hơn 8 giờ. HOẶC ② Số ngày mở cửa trong năm ít hơn 200 ngày.

3. Tình trạng của cha mẹ/người giám hộ

Vui lòng đánh dấu ☒ vào những mục áp dụng với bạn và điền những thông tin bắt buộc.

Giấy chứng nhận khuyết tật	Cha	☐ Không ☐ Có (☐ Chứng nhận khuyết tật thể chất ☐ Sở phục hồi chức năng ☐ Chứng nhận khuyết tật tâm thần) ※Hãy đính kèm một bản sao của tài liệu.			
	Mẹ	☐ Không ☐ Có (☐ Chứng nhận khuyết tật thể chất ☐ Sở phục hồi chức năng ☐ Chứng nhận khuyết tật tâm thần) ※Hãy đính kèm một bản sao của tài liệu.			
Mang thai (ngày dự sinh)		☐ Không ☐ Có (Ngày dự sinh: Năm Tháng Ngày)			
Cha mẹ đơn thân (nếu cha mẹ sống riêng hoặc không có mặt, vui lòng điền thông tin của họ)	Chỉ tiết	Mẹ ☐ Cha ☐	☐ Chưa kết hôn ☐ Từ vong ☐ Khác ()		
			☐ Ly hôn (Ngày ly hôn : năm tháng ngày)		
			☐ Làm việc xa nhà (Địa chỉ :)		
			☐ Ly thân do ly hôn (Địa chỉ :) (Ly hôn bằng hòa giải hoặc phán quyết ☐ Không ☐ Đã lên lịch ☐ Có)		

4. Tình trạng của trẻ đăng ký

Vui lòng đánh dấu ☒ vào những mục áp dụng với bạn và điền những thông tin bắt buộc.

Trẻ có mấy anh chị em ruột và thứ tự của trẻ			anh chị em		thứ tự
Giấy chứng nhận khuyết tật	☐ Không ☐ Có (☐ Chứng nhận khuyết tật thể chất ☐ Sở phục hồi chức năng ☐ Chứng nhận khuyết tật tâm thần) ※Hãy đính kèm một bản sao của tài liệu.				

5. Lý do cần gửi trẻ em *Nếu con bạn KHÔNG sử dụng phần nhà trẻ *Hoiku* mà sử dụng mục giáo dục, đơn đăng ký Loại 1, vui lòng chuyển đến mục 6.

Vui lòng chọn một trong số Lý do cần trông trẻ dưới đây phù hợp nhất với lý do bạn cần trông trẻ ban ngày và ghi số đó cho mỗi phụ huynh.

Số của lý do cần trông trẻ của cha			Số của lý do cần trông trẻ của mẹ		
Số của lý do cần trông trẻ em	[1]Việc làm [3]Đi học [5]Bệnh tật/Khuyết tật [7]Khác ()	[2]Tìm kiếm việc làm/Chuẩn bị kinh doanh [4]Mang thai/Sinh con [6]Điều dưỡng		Ngày dự kiến trở lại làm việc (đối với nghỉ thai sản/ chăm sóc con)	/ / (năm/tháng/ngày)
			Ngày dự kiến sinh (đối với người mang thai/ sinh con)	/ / (năm/tháng/ngày)	

6. Cam kết và chữ ký

- Thành phố sẽ tiếp cận thông tin thuế của thành phố (bao gồm thông tin về các thành viên hộ gia đình của trẻ như đã nêu trong đơn) và thông tin hộ gia đình mà thành phố yêu cầu để phê duyệt và chứng nhận phúc lợi cho giáo dục/nhà trẻ.
- Thành phố sẽ yêu cầu bên cấp các tài liệu đã nộp hoặc các cơ quan công quyền điều tra hoặc cung cấp các tài liệu bổ sung, nếu cần, để xem xét chứng nhận và xác minh thông tin thuế của cư dân thành phố (bao gồm thông tin về các thành viên trong hộ gia đình của trẻ như đã nêu trong đơn).
- Phí sử dụng cơ sở có thể được cơ sở hoặc doanh nghiệp nhận thay mặt người nộp đơn.
- Thông tin cung cấp trong mẫu đơn có thể được chia sẻ với cơ sở hoặc doanh nghiệp mà bạn sử dụng nếu thấy cần thiết.
- Nếu thủ tục chứng nhận tập trung và quá trình xem xét mất nhiều thời gian thì việc thông báo kết quả sàng lọc có thể bị hoãn lại bất kể ngày nộp đơn.
- Bạn không thể nộp đơn xin chứng nhận nếu bạn đang sử dụng dịch vụ chăm sóc chăm sóc trẻ em do công ty quản lý vào ngày nộp đơn.
- Nếu nội dung đơn không đúng với thực tế, việc phê duyệt và chứng nhận sẽ bị thu hồi.
- Giấy chứng nhận không thể được cấp ngược lại từ ngày trước ngày nộp đơn.

Tôi đồng ý với những điều khoản trên và nộp đơn xin chứng nhận sử dụng cơ sở cũng như xin phê duyệt quyền lợi cho giáo dục/nhà trẻ.

Chữ ký của người nộp đơn

VÍ DỤ

Chăm sóc ban ngày cho trẻ em loại 1 (loại 2 và 3 mới)

- Các mẫu đơn đăng ký và các giấy tờ nộp khác phải được điền bằng bút bi đen. Vui lòng không sử dụng bút chì, bút bi có thể xóa, bút xóa, băng xóa, v.v.
- Nếu bạn cần thay đổi thông tin trên mẫu đơn, vui lòng kẻ một đường đôi qua khu vực đó và viết thông tin chính xác vào lề. Không cần đóng dấu *Inkan* để sửa lỗi trên đường kẻ đôi.
- Mỗi trẻ phải nộp một mẫu đơn. (Trong trường hợp là anh chị em ruột, vui lòng điền và nộp một mẫu cho mỗi trẻ.)

申込日		令和 XX 年 XX 月 XX 日	
申込児童	フリガナ	オオタ イチロウ	
	氏名	Ota Ichirou	
生年月日(西暦)		20XX 年	※1 月
年齢(歳児)		3	
性別		Otoko	
(中保者)	※2	オオタ ハナコ	
氏名		Ota Hanako	
現住所		〒373-8718 Ota-Shi Hama-Cho 2-35	
児童との続柄	Haha	※3 Haha Keitai	
	連絡先	080-XXXX-XXXX	
連絡先(父の携帯)		090-XXXX-XXXX	
連絡先(母の携帯)		090-XXXX-XXXX	
連絡先は日中に連絡の取れる順に、(父の携帯) (母の携帯) (父方祖父の自宅) など、具体的に記入			
【① 世帯の状況】			
申込児童の	児童との続柄	フリガナ	生年月日(西暦)
	氏名	職業	勤務先名・学校名等
父母	Chichi	オオタ タロウ	19XX 年 XX 月 XX 日 (Kabu) ●●Bussan
	Haha	オオタ ハナコ	19XX 年 XX 月 XX 日 ●●Ginkou(Kabu)
(世帯中)	Ane	オオタ サクラ	20XX 年 XX 月 XX 日 ●●Shougakkou
	Imouto	オオタ カエデ	20XX 年 XX 月 XX 日 ●●Youchien
※4			
Nếu không đủ chỗ ghi các thành viên trong gia đình, vui lòng chuẩn bị một tờ giấy trắng riêng và điền vào.			
Vui lòng ghi rõ tên của trẻ nộp đơn vào tờ giấy đính kèm.			
世帯外	氏名	生年月日(西暦)	職業
	氏名	生年月日(西暦)	職業
※5			
生活保護		□適用なし・□適用あり (年 月 日開始)	
家庭の状況		□ひとり親世帯・□障がい者のいる世帯 □左記以外	
【②利用施設・期間など】			
主な利用施設等(※1)		●● Kodomoen	
X 年 XX 月 XX 日から		□ 小学校就学前まで	
□ 第1号(満3歳以上)		私学助成を受ける幼稚園の利用のみを希望し、預かり保育事業等は利用しない場合。	
□ 第2号(3歳児以上)		保護者のいずれもが保育の必要性を満たし、預かり保育事業、認可外保育施設、一時預かり事業、ファミリーサポートセンター事業等の利用を希望し、かつ、市民税非課税世帯の場合。	
□ 第3号(0~2歳児)		認可外保育施設、一時預かり事業、ファミリーサポートセンター事業等の利用を希望し、かつ、市民税非課税世帯の場合。	
利用するサービスの種類		□ 預かり保育事業(※2) □ 認可外保育施設 □ 一時預かり事業 □ 病児保育事業	
教育・保育給付認定期間(教育・保育給付認定申請者のみ)		令和 X 年 XX 月 XX 日	
施設所在地(市外のみ):		X-X-Ken ●●-Shi ▲▲-I-I	
電話番号:		XXX-XXX-XXXX	
Vui lòng điền ngày bắt đầu chứng nhận Loại 1			

Nếu bạn sử dụng cơ sở chăm sóc trẻ bên ngoài thành phố Ota, vui lòng cung cấp địa chỉ, và số điện thoại.

【Lưu ý khi điền】

- ※1 Vui lòng ghi tuổi của trẻ tính đến ngày 01 tháng 4 của năm mà bạn yêu cầu được cấp chứng nhận.
- ※2 Vui lòng ghi tên cha mẹ/người giám hộ đã đăng ký là cư dân của thành phố Ota vào ô 'Cha mẹ/người giám hộ (người nộp đơn)'. Địa chỉ sẽ được sử dụng để gửi các thông báo khác nhau. (Nếu anh chị em ruột đã đăng ký vào cơ sở, vui lòng ghi tên của cha mẹ/ người giám hộ giống như trong mẫu đơn đăng ký của họ.)
- ※3 Vui lòng ghi 3 thông tin liên lạc ban ngày. Nếu người liên lạc là người sống riêng, vui lòng ghi rõ tên và mối quan hệ của họ với trẻ.
- ※4 Nếu giấy đăng ký cư trú của người nộp đơn là tại thành phố Ota vào ngày 1 tháng 1 của năm trước hoặc trong năm đăng ký (chứng nhận), vui lòng để trống.
- ※5 Vui lòng đánh dấu vào ô thích hợp và đính kèm bản sao giấy chứng nhận của người nhận nếu hộ gia đình bạn đang nhận trợ cấp phúc lợi hoặc bản sao giấy chứng nhận khuyết tật nếu hộ gia đình có thành viên khuyết tật.

【③ 保護者の状況】

該当する項目に☑し、必要事項を記入してください。

Đánh dấu ☑ và điền vào ô thích hợp ở mặt sau.

障害者手帳の取得状況	父	☒ 無 ☐ 有 (身体障害者手帳)	※手帳の写しを必ず添付してください。
	母	☒ 無 ☐ 有 (身体障害者手帳 療育手帳 精神障害者福祉手帳)	
妊娠(出産)予定		☐ 無 ☐ 有 (予定日: 年 月 日)	
父または母が別住所・不存在の場合	別住所・不存在者 父 ☒ 母 ☐	☐ 未婚 ☐ 死別 ☐ その他 ()	
		☐ 離婚 (離婚日: 年 月 日)	
		☒ 単身赴任 (住所地: Tokyo-To Shinagawa-Ku XX-XX ●●Manshon XXX)	
		☐ 離婚前提の別居 (住所地:)	
		(裁判離婚の調停 ☐ 無 ☐ 予定 ☐ 有)	

【④ 申込児童の状況】

該当する項目に☑し、必要事項を記入してください。

申込児童は、何人きょうだいの何番目のお子様ですか。	3	人きょうだいの	2	番目
申込児童の障害者手帳の取得状況	☒ 無 ☐ 有 (身体障害者手帳 療育手帳 精神障害者福祉手帳) ※手帳の写しを必ず添付してください。			

【⑤ 保育の利用を必要とする理由】

*保育の希望が無(第1号)の方は、記入は不要です。⑤申請・申込にあたっての同意署名欄を記入ください。

保育を必要とする理由で最もあてはまるものを、下記の保育要件番号から1つ選択し、父母それぞれ垂号で記入してください。

父の保育要件番号	1	母の保育要件番号	1
保育要件番号	【1】就労	復職予定日 (産休・育休取得の方)	Reiwa XX 年 X 月 XX 日
	【5】疾病	出産(予定)日 (妊娠・出産の方)	年 月 日

Vui lòng điền số của lý do cần chăm sóc trẻ của cha mẹ / người giám hộ và nộp cùng các giấy tờ cần thiết.

【⑥ 申請・申込にあたっての同意署名欄】

・太田市が施設等利用給付認定及び教育・保育給付認定に必要な市町村民税の情報(申請書に記載のある児童の同一生計者の情報を含む)並びに世帯情報を閲覧すること。
 ・認定の審査及び市町村民税の情報(申請書に記載のある児童の同一生計者の情報を含む)の確認に当たって、提出された資料先または官公署に対し必要な文書の閲覧又は資料の提供を求めること。
 ・施設等利用費は、保護者に代わり、利用する施設又は事業者が受領する場合があること。
 ・申請書に記載した内容は必要と認められる場合に、施設・事業者へ提供する場合があること。
 ・認定事務が集中し審査等に日時を要する場合は、申請日に関わらず審査結果のお知らせを延期する場合があること。
 ・認定希望日現在で、企業主導型保育事業の利用がある場合は、本認定の申請はできないこと。
 ・申請内容が事実と相違した場合は、施設等利用給付認定を取り消すこと。
 ・申請日以前に遡って認定することはできないこと。

以上のことに同意し、教育・保育給付に係る認定及び変更並びに施設等利用

Vui lòng kiểm tra cẩn thận mọi nội dung và đảm bảo rằng người nộp đơn đã ký vào mẫu đơn

申請者同意署名

Ota Hanako

※Về mẫu thông tin My number nộp cho cơ sở

- ① Để nộp biểu mẫu My number cho cơ sở, hãy đính kèm các tài liệu vào mặt sau của biểu mẫu đã hoàn thành và đặt biểu mẫu vào phong bì dán kín.
- ② Viết tên trẻ em trên phong bì.
- ③ Ghim vào biểu mẫu đăng ký.



Tên của trẻ	

Cơ sở chăm sóc trẻ em ngoài tiêu chuẩn, v.v. cho trẻ em không ghi danh
(Loại 2 và 3 mới)

- Các mẫu đơn đăng ký và các giấy tờ nộp khác phải được điền bằng bút bi đen. Vui lòng không sử dụng bút chì, bút bi có thể xóa, bút xóa, băng xóa, v.v.
- Nếu bạn cần thay đổi thông tin trên mẫu đơn, vui lòng kẻ một đường đôi qua khu vực đó và viết thông tin chính xác vào lề. Không cần đóng dấu *Inkan* để sửa lỗi trên đường kẻ đôi.
- Mỗi trẻ phải nộp một mẫu đơn. (Trong trường hợp là anh chị em ruột, vui lòng điền và nộp một mẫu cho mỗi trẻ.)

申込児童	フリガナ	オオタ イチロウ		生年月日	20XX.XX.XX		年齢(歳児) (昭和47年度までの生年)	性別
	氏名	Ota Ichirou			※1		3	Otokoto

(中保護者)	フリガナ	オオタ ハナコ		生年月日	20XX.XX.XX		年齢(歳児)	性別
	氏名	Ota Hanako		現住所	Ota-Shi Hama-Cho 2-35			

児童との続柄	Haha	連絡先	※3 Haha Keitai)		② (Chichi Keitai)	③ (Chichikata Sobo Keitai)
			XXXX - XXXX		080 - XXXX - XXXX	090 - XXXX - XXXX

連絡先は日中に連絡の取れる順に、(父の携帯) (母の携帯) (父方祖父の自宅) など、具体的に記入

【① 世帯の状況】

児童との続柄	フリガナ	氏名	生年月日(西暦)	職業 勤務先名・学校名等	各年1月1日に本市に住民登録が無い場合、市区町村名又は国名を記入
申込児童の父母	Chichi	Ota Tarou	19XX.XX.XX	(Kabu) ●●Bus	入居の前年
	Haha	Ota Hanako	19XX.XX.XX	●● Ginkou(Ka)	入居する年
(世帯申)	Ane	Ota Sakura	20XX.XX.XX	●● Shougakkou	Gunma-Ken Isesaki-Shi
	Imouto	Ota Kaede	20XX.XX.XX	●● Youchien	Gunma-Ken Isesaki-Shi

※4

Nếu không đủ chỗ ghi các thành viên trong gia đình, vui lòng chuẩn bị một tờ giấy trắng riêng và điền vào.
Vui lòng ghi rõ tên của trẻ nộp đơn vào tờ giấy đính kèm.

生活保護	□適用なし・□適用あり (年 月 日開始)	家庭の状況	□ひとり親世帯・□障がい者のいる世帯 □左記以外
------	------------------------	-------	--------------------------

※5

Điền ngày nộp đơn hoặc ngày bắt đầu sử dụng, tùy theo ngày nào muộn hơn so với ngày yêu cầu cấp chứng nhận.

保育の有無・認定区分	有	第1号(満3歳以上)	私学助成を受ける幼稚園の利用のみを希望し、預かり保育事業等は利用しない場合。
		第2号(3歳児以上)	保護者のいずれも就業、病児保育等を希望する場合。
		第3号(0~2歳児)	保護者のいずれも就業、病児保育等又は子育て援助活動支援事業(ファミリーサポートセンター事業)等の利用を希望し、かつ、市外転居希望の場合。

※6

Đánh dấu ☒ vào loại dịch vụ phù hợp.

利用するサービスの種類	□ 預かり保育事業(※2) □ 認可外保育施設 □ 一時預かり事業 □ 病児保育事業
教育・保育給付認定期間(教育・保育給付認定申請者のみ)	令和 年 月 日から 年 月 日まで

※1. 市外の施設を利用している場合は、その所在地と電話番号を記入してください。

施設所在地(市外のみ): XX-Ken ●●-Shi ▲▲I-I 電話番号: XXX - XXX - XXXX

Nếu bạn sử dụng cơ sở chăm sóc trẻ em bên ngoài thành phố Ota, vui lòng ghi địa chỉ và số điện thoại.

【Lưu ý khi điền】

- ※1 Vui lòng ghi tuổi của trẻ tính đến ngày 01 tháng 4 của năm mà bạn yêu cầu được cấp chứng nhận.
- ※2 Vui lòng ghi tên cha mẹ/người giám hộ đã đăng ký là cư dân của thành phố Ota vào ô ‘Cha mẹ/ người giám hộ (người nộp đơn)’. Địa chỉ sẽ được sử dụng để gửi các thông báo khác nhau. (Nếu anh chị em ruột đã đăng ký vào cơ sở, vui lòng ghi tên của cha mẹ/ người giám hộ giống như trong mẫu đơn đăng ký của họ.)
- ※3 Vui lòng ghi 3 thông tin liên lạc ban ngày. Nếu người liên lạc là người sống riêng, vui lòng ghi rõ tên và mối quan hệ của họ với trẻ.
- ※4 Nếu giấy đăng ký cư trú của người nộp đơn là tại thành phố Ota vào ngày 1 tháng 1 của năm trước hoặc trong năm đăng ký (chứng nhận), vui lòng để trống.
- ※5 Vui lòng đánh dấu vào ô thích hợp và đính kèm bản sao giấy chứng nhận của người nhận nếu hộ gia đình bạn đang nhận trợ cấp phúc lợi hoặc bản sao giấy chứng nhận khuyết tật nếu hộ gia đình có thành viên khuyết tật.

【③ 保護者の状況】

該当する項目に☑し、必要事項を記入してください。

Đánh dấu ☑ và điền vào các ô thích hợp ở mặt sau.

障害者手帳の 取得状況	父	☒ 無 ☐ 有 () ※手帳の写しを必ず添付してください。
	母	☒ 無 ☐ 有 (☐ 身体障害者手帳 ☐ 療育手帳 ☐ 精神障害者福祉手帳) ※手帳の写しを必ず添付してください。
妊娠(出産)予定		☐ 無 ☐ 有 (予定日: 年 月 日)
父または母が 別住所・不存在 の場合	別住所・ 不存在者	父 ☒ 母 ☐
		☐ 未婚 ☐ 死別 ☐ その他 ()
		☐ 離婚 (離婚日: 年 月 日)
		☒ 単身赴任 (住所地: Tokyo-To Shinagawa-Ku XX-XX ●●Manshon XXX)
		☐ 離婚前提の別居 (住所地:) (裁判離婚の調停 ☐ 無 ☐ 予定 ☐ 有)

【④ 申込児童の状況】

該当する項目に☑し、必要事項を記入してください。

申込児童は、何人きょうだいの何番目のお子様ですか。	3	人きょうだいの	2	番目
申込児童の 障害者手帳の取得状況	☒ 無 ☐ 有 (☐ 身体障害者手帳 ☐ 療育手帳 ☐ 精神障害者福祉手帳) ※手帳の写しを必ず添付してください。			

【⑤ 保育の利用を必要とする理由】

*保育の希望が無(第1号)の方は、記入は不要です。⑤申請・申込にあたっての同意署名欄を記入ください。

保育を必要とする理由で最もあてはまるものを、下記の保育要件番号から1つ選択し、父母それぞれ番号で記入してください。

父の保育要件番号	1	母の保育要件番号	1
保育要件 番号	【1】就労 【2】求職活動(起業準備) 【3】就学 【4】妊娠・出産 【5】疾病・障がい 【6】介護・看護 【7】その他 ()	復職予定日 (産休・育休取得の方)	Reiwa XX 年 X 月 XX 日
		出産(予定)日 (妊娠・出産の方)	年 月 日

【⑥ 申請・申込にあたっての同意署名欄】

・太田市が施設等利用給付認定及び教育・保育給付認定に必要な市町村民税の情報(申請書に記載のある児童の同一生計者の情報を含む)並びに世帯情報を閲覧すること。
 ・認定の審査及び市町村民税の情報(申請書に記載のある児童の同一生計者の情報を含む)の確認に当たって、提出された資料先または官公署に対し必要な文書の閲覧又は資料の提供を求めること。
 ・施設等利用費は、保護者に代わり、利用する施設又は事業者が受領する場合があること。
 ・申請書に記載した内容は必要と認められる場合に、施設・事業者に提供する場合があること。
 ・認定事務が集中し審査等に日時を要する場合は、申請日に関わらず審査結果のお知らせを延期する場合があること。
 ・認定希望日現在で、企業主導型保育事業の利用がある場合は、本認定の申請はできないこと。
 ・申請内容が事実と相違した場合は、施設等利用給付認定を取り消すこと。
 ・申請日以前に遡って認定することはできないこと。

以上のことに同意し、教育・保育給付に係る認定及び変更並びに施設等利用

Vui lòng kiểm tra cẩn thận mọi nội dung và đảm bảo rằng người nộp đơn đã ký vào mẫu đơn

申請者同意署名

Ota Hanako

Vui lòng nộp các giấy tờ sau cùng với đơn đăng ký của bạn.

- Biểu mẫu thông tin My Number
- Giấy tờ chứng nhận ‘Yêu cầu về nhu cầu chăm sóc trẻ em’
- Các giấy tờ bắt buộc khác nếu cần thiết.

VÍ DỤ

Tuyển sinh mẫu giáo tư thục (Loại 1 đến 3 mới)

- Các mẫu đơn đăng ký và các giấy tờ nộp khác phải được điền bằng bút bi đen. Vui lòng không sử dụng bút chì, bút bi có thể xóa, bút xóa, băng xóa, v.v.
- Nếu bạn cần thay đổi thông tin trên mẫu đơn, vui lòng kẻ một đường đôi qua khu vực đó và viết thông tin chính xác vào lề. Không cần đóng dấu *Inkan* để sửa lỗi trên đường kẻ đôi.
- Mỗi trẻ phải nộp một mẫu đơn. (Trong trường hợp là anh chị em ruột, vui lòng điền và nộp một mẫu cho mỗi trẻ.)

申込日		令和	XX	年	XX	月	XX	日
申込児童	フリガナ	オオタ イチロウ		生年月日(西暦)		年齢(歳児) ※申請年度の4月1時点		性別
	氏名	Ota Ichirou		2	0	1	1	Otokoto
(申請者) 保護者	フリガナ	オオタ ハナコ		〒		3	7	3
	氏名	Ota Hanako		現住所		Ota-Shi Hama-Cho 2-35		
児童との続柄	Haha	Haha Keitai		② (Chichi Keitai)		③ (Chichikata Sobo Keitai)		
	連絡先	- XXXX - XXXX		080 - XXXX - XXXX		090 - XXXX - XXXX		

連絡先は日中に連絡の取れる順に、(父の携帯) (母の携帯) (父方祖父の自宅) など、具体的に記入

【① 世帯の状況】

申込児童の 父・母	児童との続柄	フリガナ	氏名	生年月日(西暦)	職業 勤務先名・学校名等	各年1月1日に太田市に住民登録が無い場合、市区町村名又は国名を記入			
		氏名	氏名	氏名	氏名	入園の前年	入園する年		
父	Chichi	オオタ タロウ	Ota Tarou	1	9	1	1	Gunma-Ken Isesaki-Shi	Tokyo-To Shinagawa-Ku
	Haha	オオタ ハナコ	Ota Hanako	1	9	1	1	Gunma-Ken Isesaki-Shi	
(世帯申分) 兄弟姉妹	Ane	オオタ サクラ	Ota Sakura	2	0	1	1	Gunma-Ken Isesaki-Shi	
	Imouto	オオタ カエデ	Ota Kaede	2	0	1	1	Gunma-Ken Isesaki-Shi	

※4

Nếu không đủ chỗ ghi các thành viên trong gia đình, vui lòng chuẩn bị một tờ giấy trắng riêng và điền vào.
Vui lòng ghi rõ tên của trẻ nộp đơn vào tờ giấy đính kèm.

生活保護	□適用なし・□適用あり (年 月 日開始)	家庭の状況	□ひとり親世帯・□障がい者のいる世帯・□左記以外
------	------------------------	-------	--------------------------

【②利用施設・期間など】

Điền ngày nộp đơn hoặc ngày bắt đầu sử dụng, tùy theo ngày nào muộn hơn so với ngày yêu cầu cấp chứng nhận.

●●Youchien		小学校就学前まで
認定区分	有	小学校就学前まで
利用するサービスの種類	□第1号(満3歳以上) 私立 □第2号(3歳児以上) 保護 □第3号(0~2歳児)	← Đánh dấu ☒ vào ô dành cho Loại 1 (第1号)
教育・保育給付認定期間 (教育・保育給付認定申請者のみ)	令和	Không cần nhập XX 日から 小学校就学前まで

※1. 市外の施設を利用している場合は、その所在地と電話番号を記入してください。

施設所在地(市外のみ): XX-Ken ●●-Shi ▲▲1-1 電話番号: XXX - XXX - XXXX

※2. 預かり保育事業とは、当要件に該当する場合に利用可

Nếu bạn sử dụng cơ sở chăm sóc trẻ em bên ngoài thành phố Ota, vui lòng ghi địa chỉ và số điện thoại.

【Lưu ý khi điền】

- ※1 Vui lòng ghi tuổi của trẻ tính đến ngày 01 tháng 4 của năm mà bạn yêu cầu được cấp chứng nhận.
- ※2 Vui lòng ghi tên cha mẹ/người giám hộ đã đăng ký là cư dân của thành phố Ota vào ô 'Cha mẹ/ người giám hộ (người nộp đơn)'. Địa chỉ sẽ được sử dụng để gửi các thông báo khác nhau. (Nếu anh chị em ruột đã đăng ký vào cơ sở, vui lòng ghi tên của cha mẹ/ người giám hộ giống như trong mẫu đơn đăng ký của họ.)
- ※3 Vui lòng ghi 3 thông tin liên lạc ban ngày. Nếu người liên lạc là người sống riêng, vui lòng ghi rõ tên và mối quan hệ của họ với trẻ.
- ※4 Nếu giấy đăng ký cư trú của người nộp đơn là tại thành phố Ota vào ngày 1 tháng 1 của năm trước hoặc trong năm đăng ký (chứng nhận), vui lòng để trống.
- ※5 Vui lòng đánh dấu vào ô thích hợp và đính kèm bản sao giấy chứng nhận của người nhận nếu hộ gia đình bạn đang nhận trợ cấp phúc lợi hoặc bản sao giấy chứng nhận khuyết tật nếu hộ gia đình có thành viên khuyết tật.

該当する項目に☑し、必要事項を記入

Đánh dấu ☒ và điền vào các ô thích hợp ở mặt sau.

障害者手帳の 取得状況		父	☒ 無 ☐ 有（ ☐ 身体障害者手帳 ☐ 療育手帳 ☐ 精神障害者福祉手帳）	*手帳の写しを必ず添付してください。	
		母	☒ 無 ☐ 有（ ☐ 身体障害者手帳 ☐ 療育手帳 ☐ 精神障害者福祉手帳）	*手帳の写しを必ず添付してください。	
妊娠(出産)予定			☐ 無 ☐ 有（予定日： 年 月 日）		
父または母が 別住所・不存在 の場合	別住所・不 存在者	父	☐ 未婚 ☐ 死別 ☐ その他（ ）		
		☒	☐ 離婚 （離婚日： 年 月 日）		
		母	☒ 単身赴任 （住所地： Tokyo-To Shinagawa-Ku XX-XX ●●Manshon XXXX ）		
		☐	☐ 離婚前提の別居（住所地： ）		
		(裁判離婚の調停 ☐ 無 ☐ 予定 ☐ 有)			

該当する項目に☑し、必要事項を記入してください。

申込児童は、何人きょうだいの何番目のお子様ですか。		3	人きょうだいの	2	番目
申込児童の 障害者手帳の取得状況	☒ 無 ☐ 有 (☐ 身体障害者手帳 ☐ 療育手帳 ☐ 精神障害者福祉手帳) ※手帳の写しを必ず添付してください。				

*保育の希望が無（第1号）の方は、記入は不要です。⑥申請・申込にあたっての同意署名欄を記入ください。

保育を必要とする理由で最もあてはまるものを、下記の保育要件番号から1つ選択し、父母それぞれ番号で記入してください。

父の保育要件番号		母の保育要件番号		復職予定日 (月 日 方)		Reiwa XX 年 X 月 XX 日	
保育要件 番号	【⑤ Lý do về nhu cầu chăm sóc trẻ em】			復職予定日 (月 日 方)	年 月 日		
	◆ Nếu bạn là người nộp đơn Loại 1 mới, bạn không cần điền mục này. ◆ Điền vào đây nếu bạn là người nộp đơn Loại 2 hoặc 3.						

◆ Nếu bạn là người nộp đơn Loại 1 mới, bạn không cần điền mục này.

- ♦ Đối với người nộp đơn Loại 2 hoặc 3 mới, vui lòng điền số của lý do về nhu cầu chăm sóc trẻ của cha mẹ/ người giám hộ và nộp cùng với các giấy tờ cần thiết.

・太田市が施設等利用給付認定及び教育・保育給付認定に必要な市町村民税の情報（申請書に記載のある児童の同一生計者の情報を含む）並びに世帯情報を閲覧すること。
 ・認定の審査及び市町村民税の情報（申請書に記載のある児童の同一生計者の情報を含む）の確認に当たって、提出された資料先または官公署に対し必要な文書の閲覧又は資料の提供を求めること。
 ・施設等利用費は、保護者に代わり、利用する施設又は事業者が受領する場合があること。
 ・申請書に記載した内容は必要と認められる場合に、施設・事業者に提供する場合があること。
 ・認定事務が集中審査等に日時を要する場合は、申請日に間わず審査結果のお知らせを延期する場合があること。
 ・認定希望日現在で、企業主導型保育事業の利用がある場合は、本認定の申請はできないこと。
 ・申請内容が事実と相違した場合は、施設等利用給付認定を取り消すこと。
 ・申請日以前に遡って認定することはできないこと。

Vui lòng kiểm tra cẩn thận mọi nội dung và đảm bảo rằng người nộp đơn đã ký vào mẫu đơn

Ota Hanako

- ① Để nộp biểu mẫu My number cho cơ sở, hãy đính kèm các tài liệu vào mặt sau của biểu mẫu đã hoàn thành và đặt biểu mẫu vào phong bì dán kín.
- ② Viết tên trẻ em trên phong bì.
- ③ Ghim vào biểu mẫu đăng ký.

